

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ
Số: 586 / BSM-KH&QLTT
V/v xây dựng Kế hoạch sản xuất tài chính
năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Trưởng các phòng Công ty;
- Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch diện tích tưới tiêu năm 2023 các Chi nhánh đã lập.

Để chủ động trong công tác xây dựng Kế hoạch sản xuất tài chính năm 2023 trình sở Tài chính thẩm định đảm bảo đúng thực tế của Công ty. Giám đốc công ty yêu cầu Trưởng các phòng, Giám đốc các Chi nhánh thực hiện một số nội dung sau:

1. Các Chi nhánh thực hiện xây dựng Kế hoạch sản xuất tài chính năm 2023 đảm bảo phù hợp trong điều kiện hiện nay.

(Phụ lục Kế hoạch theo phụ lục Kế hoạch năm 2022)

2. Giao phòng Kế hoạch và QLTT chủ trì, các Phòng công ty trên cơ sở chức năng nhiệm vụ phối hợp, cung cấp tài liệu làm cơ sở xây dựng Kế hoạch sản xuất tài chính năm 2023.

3. Hồ sơ Kế hoạch sản xuất tài chính năm 2023 nộp về Công ty qua phòng KH&QLTT theo quy định, đồng thời gửi file điện tử qua địa chỉ Email: phongkehoachbsm@gmail.com. Thời gian chậm nhất đến hết ngày 10/10/2022.

Yêu cầu các Chi nhánh khẩn trương, nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Công ty (B/c);
- Ban Giám đốc C.ty;
- Cổng thông tin điện tử C.ty;
- Lưu: VT, KH&QLTT.

GIÁM ĐỐC


Đặng Đình Tuấn

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SXTC NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số 586 /BSM-KH&QLTT ngày 15 tháng 9 năm 2022)

I. Về biểu mẫu xây dựng Kế hoạch 2023.

Thực hiện một số biểu mẫu theo thông tư số 56/2010TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, biểu mẫu về diện tích, cơ cấu và thủy lợi phí tại thông tư số 41/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Quyết định số 4548/2013/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quy định về trách nhiệm và quy trình thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí. Ngoài ra còn một số biểu mẫu khác áp dụng theo biểu mẫu Công ty gửi kèm.

II. Lập kế hoạch sản xuất tài chính năm 2023.

1. Kế hoạch diện tích:

Trên cơ sở kết quả diện tích thực hiện năm 2022 và khả năng phân đầu mở rộng diện tích, nâng cơ cấu của các đơn vị. Về diện tích tưới chung cơ bản phân đầu bằng diện tích đã thực hiện hợp đồng năm 2022. Phần diện tích tăng, giảm có giải trình cụ thể cả về cơ cấu tưới và tổng hợp chi tiết tăng, giảm của từng đơn vị xã, hợp tác xã, kiểm tra, rà soát danh mục công trình trên địa bàn từng chi nhánh quản lý làm cơ sở để bảo vệ với các ngành cấp tỉnh.

2. Doanh thu:

Gồm: doanh thu được hỗ trợ từ cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và doanh thu từ cung ứng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác

3. Kế hoạch chi phí:

Các chi nhánh thực hiện lập kế hoạch chi phí bằng 85% tổng doanh thu (trừ doanh thu phần HTX). Trong đó ưu tiên lập kế hoạch chi phí đủ cho các chỉ tiêu chính: Lương, tiền điện, chế độ bảo hiểm v.v...

3.1- Chi cho công tác tưới tiêu:

Gồm 13 khoản chi thường xuyên cho công tác tưới tiêu:

3.1.1- Chi lương + ăn ca lao động trực tiếp:

Số lao động: Lấy số lao động hiện có tại thời điểm lập kế hoạch (tháng 9/2022)

Mức lương tối thiểu thực hiện theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2022 với mức lương tối thiểu vùng IV là 3.250.000 đồng. Đối với mức lương tối thiểu vùng III là 3.640.000 đồng

Lao động trực tiếp: Hệ số lương và phụ cấp lương bình quân của đơn vị tại thời điểm lập kế hoạch để làm cơ sở tính lương và các chi phí theo lương.

Lao động gián tiếp: Lương và các khoản chi phí theo lương tính riêng và đưa vào phần chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi ăn ca:** Thời gian tính ăn ca là 12 tháng /năm, 22 ngày/ tháng. Mức chi ăn ca 18.000 đồng/ngày.(Theo mức tại thời điểm).

3.1.2- Nộp BHXH+BHYT+BHTN +KPCĐ:

Nộp BHXH+BHYT+BHTN +KPCĐ của lao động trực tiếp căn cứ vào mức lương, hệ số lương và số lao động trực tiếp của đơn vị để xây dựng kế hoạch. Mức nộp 4 chi phí trên là 23,5 %.

3.1.3- Trích khấu hao tài sản cố định:

Đối tượng và mức trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Căn cứ vào tài sản cố định hiện có đơn vị tính toán và trích khấu hao hàng năm để xây dựng nguồn vốn và phương án sử dụng nguồn vốn khấu hao cho đơn vị mình.

Chỉ bố trí kế hoạch sử dụng nguồn vốn khấu hao khi đã bố trí đủ cho cho các khoản chi khác như lương, bảo hiểm, tiền điện, chi phí quản lý..vv...

3.1.4 -Nguyên nhiên liệu:

Các đơn vị căn cứ vào số lượng máy bơm + động cơ các loại, thiết bị đóng mở hiện có, căn cứ vào định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu cho vận hành bảo dưỡng máy móc thiết bị theo quyết định số 858/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hóa để xác định lượng nhiên liệu kế hoạch cho một năm.

3.1.5- Sửa chữa lớn:

Chỉ bố trí kế hoạch khi cân đối nguồn thu trừ chi còn nguồn chi phí.

3.1.6- Sửa chữa thường xuyên:

Bố trí chi sửa chữa công trình đất, xây lát và cơ điện ≤ 10 % chi phí thường xuyên cho công tác tưới, tiêu.

Đối với công trình cơ điện Chi nhánh tiến hành kiểm tu tất cả các máy móc, thiết bị. Kiểm tra thời gian lắp đặt và thời gian đã vận hành hoặc hiện tại đã có hiện tượng hư hỏng đơn vị lập kế hoạch sửa chữa cho năm kế hoạch.

Đối với công trình đất, xây lát ưu tiên những công trình trực tiếp phục vụ sản xuất như nạo vét kênh dẫn, bể hút, các cống tưới, cống lấy nước và kênh tưới, tiêu. Khi cân đối còn thừa mới bố trí các công trình khác.

Các chi nhánh ưu tiên công tác duy tu bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị

3.1.7- Chi phí tiền điện cho tưới, tiêu:

Căn cứ vào tình hình thực tế diện tích phục vụ của từng trạm bơm, cơ cấu tưới điện năng định mức Kwh/ha. Tổng hợp được lượng điện năng tiêu thụ trong vụ, trong năm và chi phí tiền điện. Định mức điện bơm tưới và bơm tiêu áp dụng theo định mức thực hiện trung bình 3 năm gần nhất. Có bảng tổng hợp kết quả tính định mức điện năng tưới các vụ và định mức điện năng tiêu ứng kèm theo.

Giá để tính chi phí điện năng:

- Giá điện năng cho tưới tiêu được tính toán theo Quyết định số 648/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 20/03/2019, áp dụng từ ngày 20/3/2019. Công ty thống nhất giá điện tính để lập kế hoạch của các đơn vị như sau:

Đối với các trạm bơm chạy giờ bình thường K1 đơn giá tính là 1.853,5 đồng/Kwh.

Đối với các trạm bơm chạy giờ cao điểm K2 đơn giá tính là 3.383,6 đồng /Kwh.

Đối với các trạm bơm chạy giờ thấp điểm K3 đơn giá tính là 1.210 đồng/Kwh.

Giá điện bình quân K1,K2,K3 là 2.149 đồng/Kwh

(Đơn giá điện đã kể cả thuế VAT)

3.1.8- Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Gồm tiền lương, các khoản trích nộp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Chi khác thực hiện theo quyết định số: 853/QCQLTC-BSM ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Công ty quy định về việc quản lý quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã.

3.1.9- Chi phí phòng chống lụt bão, hạn hán:

Gồm những khoản chi phí cho vật tư, thiết bị trực tiếp cho công tác phòng chống lụt bão hạn hán như bao tải, đá hộc, rọ đá, xăng xe đi lại...vv.

3.1.10- Chi phí đào tạo nâng bậc thợ ứng dụng KHKT.

Các chi nhánh kiểm tra, rà soát, tổng hợp số lượng lao động đào tạo nâng bậc thợ đưa vào kế hoạch đảm bảo yêu cầu sản xuất

3.1.11- Chi phí BHLĐ - ATLĐ.

Các chi nhánh kiểm tra, rà soát, tổng hợp bảo hộ lao động và dụng cụ bảo hộ lao động đưa vào kế hoạch đảm bảo an toàn sản xuất.

3.1.12- Chi Công tác phí, tăng giờ.

Chi khác thực hiện theo quyết định số: 853/QCQLTC-BSM ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Công ty quy định về việc quản lý quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã.

Tăng giờ chống hạn, chống úng dự tính 6 ngày/người/năm (48 giờ)

3.1.13- Chi phí quảng cáo, ký hợp đồng, nghiệm thu .

Căn cứ vào tình hình thực tế chi phí năm 2022, các Chi nhánh lập kế hoạch chi phí quảng cáo, ký hợp đồng, nghiệm thu đảm bảo yêu cầu

3.2- Chi cho các HTX.

3.3 - Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi:

Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được tính bằng 2 tháng lương